

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 7 - 2017  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông H Danh Nghĩa và ông Nguyễn Hồng  
Nguyễn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia  
phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện  
TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST-HNGĐ ngày 23  
tháng 02 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm  
2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X – sinh năm: 1966.

HKTT: Khu 12, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Ấp T, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C – sinh năm: 1955.

HKTT: Khu 12, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

*(Bà X có mặt, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017, lời khai trong quá trình tố tụng  
và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, yêu  
thương rồi tiến tới sống C với nhau năm 2002. Hôn nhân của ông bà được Ủy  
ban nhân dân thị trấn TP cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2011. Vợ  
chồng C sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn.  
Nguyên nhân là do ông C thường X rượu chè say xỉn, không lo làm ăn, không  
chăm lo đến cuộc sống gia đình. Thậm chí ông C còn la mắng, đánh đập vợ con.  
Do đó trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai  
nhạt. Từ cuối năm 2016, ông bà sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly

thân vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Do tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con C: Bà và ông C có 01 con C tên là Nguyễn Đức Minh H – sinh ngày 21/10/2002. Hiện nay, cháu H đang sống cùng bà.

Khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu, yêu thương rồi tiến tới sống C với nhau năm 2002. Hôn nhân của ông bà được Ủy ban nhân dân thị trấn TP cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2011. Vợ chồng C sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường X bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó, trong cuộc sống C không hạnh phúc, vợ chồng thường X cãi vã nhau. Từ đầu năm 2017, bà X tự ý bỏ nhà đi và ông bà sống ly thân nhau cho đến nay. Nay bà X yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn yêu thương vợ con.

Về con C: Ông và bà X có 01 con C tên là Nguyễn Đức Minh H – sinh ngày 21/10/2002. Hiện nay, cháu H đang sống cùng bà X.

Khi ly hôn, nếu cháu H có nguyện vọng sống cùng với bà X thì ông đồng ý giao cháu H cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà X không yêu cầu nên ông đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng bà X và ông C đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà X, cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

+ Về con C: Đề nghị giao 01 con C Nguyễn Đức Minh H – sinh ngày 21/10/2002 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông C do bà X không yêu cầu.

+ Về tài sản C, nợ C: Bà X và ông C kê khai không có.

+ Về án phí: Bà X phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:* Chứng minh nhân dân của bà X (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Đơn xin xác nhận (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); Đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt của ông C; Biên bản ghi nhận nguyện vọng của con C đối với cháu Nguyễn Đức Minh H; Biên bản

xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 21/6/2017 đối với ông Trần Xuân Tích và bà Nguyễn Thị Nhài.

*Các tình tiết không phải chứng minh:*

- Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn C sống C vào năm 2002 và được Ủy ban nhân dân thị trấn TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2011. Vợ chồng ông bà sống C với nhau và có phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2016 vợ chồng ông bà sống ly thân nhau cho đến nay.

- Về con C: Bà X và ông C có 01 con C tên là Nguyễn Đức Minh H – sinh ngày 21/10/2002.

*Các tình tiết thống nhất:*

- Về con C: Bà X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu trên được ông C đồng ý chấp nhận.

- Về tài sản C, nợ C: Bà X và ông C kê khai không có.

*Các tình tiết không thống nhất, lý lẽ lập luận của các bên:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà X yêu cầu được ly hôn với ông C do tình cảm không còn. Ông C không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà X do ông vẫn còn thương yêu vợ con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C. Ông C hiện đang cư trú tại huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông C tự nguyện sống C với nhau vào năm năm 2002 và được Ủy ban nhân dân thị trấn TP cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2011. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, nay bà X yêu cầu ly hôn với ông C thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Căn cứ vào lời khai của bà X và ông C thể hiện ông bà đều thừa nhận trong quá trình C sống vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống C không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ đầu năm 2016 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và hòa giải để đoàn tụ. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống C của vợ chồng ông bà không hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau (bút lục 23 – 24).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, để bà X có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, cho bà X được ly hôn với ông C là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con C: Bà X và ông C có 01 con C là Nguyễn Đức Minh H – sinh ngày 21/10/2002.

Từ khi bà X và ông C sống ly thân đến nay, cháu H sống cùng bà X. Khi ly hôn, bà X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu trên của bà X được ông C đồng ý chấp nhận.

Xét yêu cầu trên của bà X là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và được ông C đồng ý vì vậy được chấp nhận. Giao Nguyễn Đức Minh H cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông C.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông C kê khai không có.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

2. Về con C: Bà X và ông C có 01 con C tên là Nguyễn Đức Minh H – sinh ngày 21/10/2002.

Giao Nguyễn Đức Minh H cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn C. Ông C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con C không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con C các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông C khai báo không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà X đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005528 ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Bà X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- UBND thị trấn TP: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 158/2011, quyển số 01, cấp ngày 22/8/2011);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**